

Bản án số: 127/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28 tháng 3 năm 2025
V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hà Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Nguyễn Thị Hồng Ninh

Bà: Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 35/2025/TLST – HNGĐ, ngày 03 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 07 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đ T H**, sinh năm 1997

Đăng ký Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Khu B, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

(Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh **L Đ Q**, sinh năm 1995

Đăng ký Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Nơi cư trú: Thôn E, xã E, huyện K, Thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 21/01/2025, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện K, nguyên đơn – chị Đ T H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L Đ Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, thành phố Hà Nội ngày 03/12/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống chung với bố mẹ của anh Q tại thôn E, xã E, K, Hà Nội được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q không chịu đi làm, ở nhà chơi điện tử. Dù đã được chị và gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Q vẫn tật nào chứng đó không bỏ được. Anh Q còn lấy tiền lương của chị, tự vay mượn tiền lung tung ở ngoài của nhiều người khác để nạp tiền chơi điện tử rồi bắt chị trả nợ hộ. Từ đó dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn nên xảy ra mâu thuẫn giữa chị và bố mẹ chồng. Vì vậy vợ chồng chị đã chuyển ra thuê nhà ở riêng nhưng không có nơi ở cố định và không có đăng ký tạm trú. Vợ chồng chị còn bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong nhiều vấn đề như cách sinh hoạt, chỉ tiêu trong gia đình, việc sinh con, thường xuyên xảy ra cãi vã. Những lần vợ chồng cãi nhau, anh Q thường dọa nạt chị, đấm đập tường, đập đồ và đe dọa chị khiến chị rất lo sợ, bất an khi sống cùng anh Q. Dần dần tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng không quan tâm, chia sẻ với nhau. Vợ chồng chị cũng như gia đình hai bên đã tìm nhiều cách để hòa giải, khắc phục mâu thuẫn nhưng không thành.

Từ khoảng tháng 9 năm 2024 đến nay, vợ chồng chị mâu thuẫn trầm trọng, sống ly thân, cắt đứt hoàn toàn quan hệ tình cảm, sinh lý với nhau. Anh Q về ở hẳn với bố mẹ ở số nhà 22, ngõ 245, thôn E, xã E, huyện K, thành phố Hà Nội, còn chị về ở nhà bố mẹ đẻ tại khu B, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc từ đó cho đến nay. Vợ chồng chị không còn nói chuyện, quan tâm gì đến nhau nữa. Anh Q cũng không có hành động gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị cũng đã nói việc ly hôn với anh Q thì anh Q bảo kệ chị thích làm gì thì làm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài nhiều năm, vợ chồng không thể hàn gắn được, vì vậy chị đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q để chị có thể ổn định cuộc sống.

Về con chung vợ chồng: Vợ chồng chị không có con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung vợ chồng: Vợ chồng chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Trường hợp anh Q có vay nợ thì là khoản vay riêng của anh Q, chị không biết anh Q vay của ai, vay bao nhiêu tiền. Chị không liên quan đến các khoản vay của anh Q.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu gì, không trình bày thêm nội dung nào khác.

Quá trình giải quyết, chị H có đơn xin giải quyết vắng mặt vì lý do công việc.

Bị đơn là anh L Đ Q không có lời khai tại Tòa án do quá trình giải quyết anh đều vắng mặt không có lý do, cũng không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp cho anh Q các văn bản tố tụng của Tòa án như anh Q không nhận cũng như không ký các biên bản tổng đạt. Anh Q cũng không có văn bản ghi ý kiến về việc chị H xin ly hôn với anh.

Đối với vụ án này, Tòa án không hòa giải được về quan hệ hôn nhân và tài sản chung vì vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Chị Đ T H vắng mặt và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh L Đ Q và nội dung các lời khai mà chị đã trình bày tại Tòa án, chị không bổ sung gì thêm. Bị đơn, anh L Đ Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thủ tục Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Người tham gia tố tụng tại phiên tòa, Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị đơn không chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự thể hiện qua việc vắng mặt tại phiên tòa và quá trình tố tụng giải quyết vụ án không có lý do.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Đ T H được ly hôn với anh L Đ Q.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không xem xét giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền:* Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 – Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân. Bị đơn anh L Đ Q có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại thôn E, xã E, huyện K, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 và Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội.

[2]. Về việc vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa: chị Đ T H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh L Đ Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không phải vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng

dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đ T H và anh L Đ Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã E, huyện K, thành phố Hà Nội ngày 03/12/2021. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4]. *Về nguyên nhân mâu thuẫn*: Căn cứ vào những lời khai của chị H và các biên bản làm việc của Tòa án với chính quyền địa phương, với bố đẻ của anh Q là ông Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Đ T H và anh L Đ Q quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cách sinh hoạt, chi tiêu trong gia đình, việc sinh con. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Ngoài ra chị H còn có mâu thuẫn với bố mẹ chồng. Từ khoảng tháng 9 năm 2024 đến nay, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, sống ly thân, cắt đứt hoàn toàn quan hệ tình cảm, sinh lý với nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q để chị có thể ổn định cuộc sống.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã làm các thủ tục tiến hành tổng đạt trực tiếp, niêm yết các văn bản tố tụng cho anh Q nhưng anh Q chưa bao giờ đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật cũng như điều vắng mặt tại các phiên hoà giải.

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình quy định: “1. *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*” “2. *Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác...*”. Như vậy, mục đích hôn nhân của vợ chồng của chị H và anh Q không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H với anh Q là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. *Về con chung*: Căn cứ vào lời khai của chị H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ Tòa án thu thập, có căn cứ xác định: vợ chồng chị H và anh Q không có con chung.

[6]. *Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng*: Do anh Q không đến Tòa án, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Chị H phải chịu án phí ly hôn, các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật thi hành án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ T H. Chị Đ T H được ly hôn với anh L Đ Q.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị Đ T H và anh L Đ Q không có con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đ T H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án kí hiệu BLTU/23, số 0065778, ngày 22/01/2025 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện K, chị H không phải nộp thêm tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Chị Đ T H và anh L Đ Q vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- Những người tham gia tố tụng
- Toà án nhân dân TP Hà Nội
- VKSND TP Hà Nội
- VKSND huyện K
- T.H.A DS huyện K
- UBND xã E (ĐKKH số 75, ngày 03/12/2021)
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Thái Thị Hà Thu